TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 246/2018/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 10 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 346/2018/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: anh Trần Đỗ T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/7/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Trần Đỗ T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh với chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh Trần Đỗ T và chị Nguyễn Thị G tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung tên*: Trần Thị Diễm H, sinh ngày 18/12/2008 và Trần Đăng K, sinh ngày 29/5/2011 hiện đang sống với anh T, tại phiên hòa giải nguyện vọng của cháu H và cháu K muốn được sống với anh T, anh T và chị G tự nguyện thỏa thuận

về quyền nuôi dưỡng con như sau: anh Trần Đỗ T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con tên Trần Thị Diễm H, sinh ngày 18/12/2008 và Trần Đăng K, sinh ngày 29/5/2011.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên Toà án không xem xét.

- *Về tài sản chung, về nợ chung và người khác nợ vợ chồng:* Tại phiên hòa giải anh T và chị G cho rằng không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: anh Trần Đỗ T tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0017339 ngày 19/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả lại cho anh Trần Đỗ T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí, chị Nguyễn Thị G không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *VKSND huyện;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *CCTHA huyện;*
- *UBND xã, thị trấn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Thẩm phán
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh